



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP**



Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Bình Dương, ngày 27 tháng 06 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT  
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP hiện hành;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên độc lập Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 bao gồm BCTC tổng hợp và hợp nhất với tỷ lệ tán thành là 100%. (các báo cáo được đính kèm tài liệu).

**Điều 2.** Thông qua Tờ trình số 02/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, tỷ lệ tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

**1. Kết quả kinh doanh năm 2023.**

a. Kết quả kinh doanh công ty mẹ:



| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2023<br>(Tỷ đồng) | Thực hiện năm 2023<br>(Tỷ đồng) | Tỷ lệ (%)<br>(TH/KH) |
|-----|----------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 6.800                          | 7.245                           | 107                  |
| 2   | Tổng chi phí         | 4.875                          | 5.173                           | 106                  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 1.925                          | 2.072                           | 108                  |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 1.597                          | 1.666                           | 104                  |

b. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

| STT | Chỉ tiêu             | Kế hoạch năm 2023<br>(Tỷ đồng) | Thực hiện năm 2023<br>(Tỷ đồng) | Tỷ lệ (%)<br>(TH/KH) |
|-----|----------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 9.460                          | 8.830                           | 93                   |
| 2   | Tổng chi phí         | 6.832                          | 6.133                           | 90                   |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 2.628                          | 2.697                           | 103                  |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 2.263                          | 2.280                           | 101                  |

## 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024.

a. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ với các chỉ tiêu chủ yếu:

| STT | Chỉ tiêu             | Thực hiện năm 2023<br>(Tỷ đồng) | Kế hoạch năm 2024<br>(Tỷ đồng) | Tỷ lệ (%)<br>(KH/TH) |
|-----|----------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 7.245                           | 7.569                          | 104                  |
| 2   | Tổng chi phí         | 5.173                           | 5.452                          | 106                  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 2.072                           | 2.117                          | 102                  |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 1.666                           | 1.700                          | 102                  |

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất với các chỉ tiêu chủ yếu:

| STT | Chỉ tiêu             | Thực hiện năm 2023<br>(Tỷ đồng) | Kế hoạch năm 2024<br>(Tỷ đồng) | Tỷ lệ (%)<br>(KH/TH) |
|-----|----------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 8.830                           | 9.000                          | 102                  |
| 2   | Tổng chi phí         | 6.133                           | 6.300                          | 103                  |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | 2.697                           | 2.700                          | 100                  |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | 2.280                           | 2.350                          | 103                  |



**Điều 3.** Thông qua Tờ trình số 03/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024, tỷ lệ tán thành là 100% với nội dung chi tiết như sau:

**1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:**

| STT | Chỉ tiêu                               | Kế hoạch năm 2023<br>(VNĐ) | Thực hiện năm 2023<br>(VNĐ) |
|-----|----------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế năm 2023            | 1.596.660.000.000          | 1.665.740.059.927           |
| 2   | Trích quỹ đầu tư phát triển (30%/LNST) | 478.998.000.000            | 499.722.017.978             |
| 3   | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi        | 133.000.000.000            | 109.651.000.000             |
| 4   | Trích thưởng Ban điều hành             | 1.732.000.000              | 1.724.700.000               |
| 5   | Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ    | <b>982.930.000.000</b>     | <b>1.054.642.341.949</b>    |
| 6   | Lợi nhuận năm trước chuyển sang        |                            | <b>35.819.948.950</b>       |
| 7   | Vốn điều lệ                            | 10.350.000.000.000         | 10.350.000.000.000          |
| 8   | Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ (%)      | 9                          | 10                          |
| 9   | Cổ tức                                 | 931.500.000.000            | 1.035.000.000.000           |
| 10  | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối       | 51.430.000.000             | 55.462.290.899              |

Thời gian chi trả cổ tức: trong năm 2024.

**2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:**

| STT | Chỉ tiêu                               | Kế hoạch năm 2024<br>(VNĐ) |
|-----|----------------------------------------|----------------------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế năm 2024            | 1.700.000.000.000          |
| 2   | Trích quỹ đầu tư phát triển (30%/LNST) | 510.000.000.000            |
| 3   | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi        | 104.696.000.000            |



| STT | Chỉ tiêu                            | Kế hoạch năm 2024<br>(VNĐ) |
|-----|-------------------------------------|----------------------------|
| 4   | Trích thưởng Ban điều hành          | 1.654.350.000              |
| 5   | Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ | 1.083.649.650.000          |
| 6   | Lợi nhuận năm trước chuyển sang     | 55.462.290.899             |
| 7   | Vốn điều lệ                         | 10.350.000.000.000         |
| 8   | Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ (%)   | 10                         |

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 04/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc báo cáo kết quả thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ trong năm 2023 với tỷ lệ tán thành là 100% với nội dung chính như sau:

Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức triển khai phương án phát hành phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan với kết quả thực hiện tính đến ngày 31/12/2023 như sau:

| STT | NQ HĐQT                            | Kế hoạch<br>(tỷ đồng) | Kết quả thực hiện<br>(tỷ đồng) | Tỷ lệ hoàn thành |
|-----|------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|------------------|
| 1   | Số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 21/06/2023 | 2.000                 | 2.000                          | 100%             |
| 2   | Số 33/NQ-HĐQT ngày 14/09/2023      | 760                   | 406                            | 53%              |
| 3   | Số 49/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023      | 1.300                 | 1.300                          | 100%             |

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 21/06/2023 về việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty với tổng mệnh giá tối đa là 2.000 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành thành công đến ngày 05/07/2023 là 2.000 tỷ đồng.





- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/NQ-HĐQT ngày 14/09/2023 về việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty với tổng mệnh giá tối đa là 760 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành đến ngày 06/10/2023 là 406 tỷ đồng, còn lại 354 tỷ đồng không phát hành hết.

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 49/NQ-HĐQT ngày 13/12/2023 về việc phát hành trái phiếu với tổng mệnh giá tối đa là 1.300 tỷ đồng. Trái phiếu đã được phát hành đến ngày 29/12/2023 là 1.300 tỷ đồng.

Các nội dung liên quan khác được công bố chi tiết tại thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kiểm toán năm 2023.

**Điều 5. Thông qua Tờ trình số 05/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch chi trả năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:**

1. Trong năm 2023: Tổng Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên không chuyên trách tại Tổng Công ty với số tiền là: 480.000.000 đồng.
2. Kế hoạch năm 2024: Tổng Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên không chuyên trách tại Tổng Công ty với số tiền là: 564.000.000 đồng.

**Điều 6. Thông qua Tờ trình số 06/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1   | <b>Sản xuất điện</b><br><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i><br><br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo. | 3511     |                              |

*(đính kèm theo Nghị quyết bảng ngành nghề kinh doanh sau khi bổ sung)*

Sửa đổi Điều lệ tương ứng với ngành, nghề kinh doanh bổ sung của Tổng Công ty: Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại khoản 1 Điều 4 của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty hiện hành.

Giao cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời điểm sửa đổi Điều lệ và thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty nêu trên.



**Điều 7. Thông qua Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:**

Thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP là **34%**.

Thông qua việc bổ sung thêm nội dung tại Điều 6 của bản Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty hiện hành (Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần) như sau: “8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP là **34%**.”

Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định hiện hành.

**Điều 8. Thông qua Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% với nội dung chính như sau:**

| STT | Nội dung trước khi sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nội dung sau khi sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Lý do thực hiện                                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1   | <p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p><b>Khoản 1</b></p> <p>h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác <b>do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</b></p>                            | <p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p><b>Khoản 1</b></p> <p>h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <b>các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;</b></p>                                                                                                                                                          | Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 24 Điều 4 LDN 59/2020/QH14 |
| 2   | <p><b>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả <b>cổ đông dự họp tán thành, ....</b></p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng</p> | <p><b>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành,....</b></p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả <b>cổ đông</b></p> | Theo khoản 5 điều 7 Luật số 03/2022/QH15                          |



| STT | Nội dung trước khi sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nội dung sau khi sửa đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Lý do thực hiện                                                                                                                    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | số phiếu biểu quyết của tất cả <b>cổ đông dự họp tán thành,..</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành,..</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                    |
| 3   | <p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm...</p> | <p><b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, <b>các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.</b></p> | Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 24 Điều 4 LDN 59/2020/QH14 và để thống nhất với nội dung tại điểm h khoản 1 Điều 1 Điều lệ. |

Giao cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định thời điểm sửa đổi Điều lệ theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 9. Thông qua Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT ngày 27/06/2024 về việc Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,92% với nội dung chính như sau:**

#### **I. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:**

- Đầu tư các dự án do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP làm chủ đầu tư.
- Góp vốn thành lập mới hoặc tăng vốn điều lệ các đơn vị thành viên.
- Tái cấu trúc tài chính Tổng Công ty.

#### **II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CHI TIẾT:**

##### **1. Thông tin chung về đợt chào bán**

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP
- Mã cổ phiếu: BCM
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu



- Vốn điều lệ hiện tại: 10.350.000.000.000 đồng (Mười nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.035.000.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.035.000.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm (dự kiến): **300.000.000 cổ phiếu**
- Giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng)
- Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán: 13.350.000.000.000 đồng (Mười ba nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng).

## 2. Phương thức chào bán

Chào bán thêm 300.000.000 cổ phiếu ra công chúng thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

## 3. Đối tượng chào bán

Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu.

## 4. Giá khởi điểm bán đấu giá

Để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về cách xác định giá khởi điểm và phù hợp với tình hình biến động giá thị trường của cổ phiếu BCM tại thời điểm tiến hành đấu giá, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá khởi điểm dựa theo Nguyên tắc xác định giá khởi điểm và theo tình hình thực tế của thị trường để đợt đấu giá thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ đợt chào bán.

## 5. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm được xác định theo nguyên tắc

- i. Không thấp hơn giá trị sổ sách trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP tại kỳ gần nhất, và;
- ii. Không thấp hơn trung bình giá đóng cửa 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu BCM trước ngày công bố Bản thông báo phát hành, và;
- iii. **Không thấp hơn 50.000 đồng/cổ phiếu.**

## 6. Thời gian thực hiện dự kiến

Trong năm 2024 - 2025, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán.



**7. Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết từ đợt chào bán hoặc đợt chào bán không thành công**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng có nhu cầu với giá bán không thấp hơn bình quân giá đấu giá thành công. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí và danh sách các nhà đầu tư chào bán. Số cổ phiếu không chào bán hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

**8. Hạn chế chuyển nhượng**

Cổ phiếu chào bán thành công cho nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.

**9. Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung:**

ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

**10. Phương án đáp ứng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

**11. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:**

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với giá bán tối thiểu 50.000 đồng/cổ phiếu là 15.000 tỷ đồng. Số tiền huy động được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

| STT      | Mục đích sử dụng                         | Số tiền              | Tỷ lệ        |
|----------|------------------------------------------|----------------------|--------------|
| <b>A</b> | <b>Đầu tư dự án</b>                      | <b>6.300 tỷ đồng</b> | <b>42,0%</b> |
| 1        | Khu công nghiệp Cây Trường               | 2.800 tỷ đồng        |              |
| 2        | Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng         | 3.500 tỷ đồng        |              |
| <b>B</b> | <b>Góp tăng vốn các công ty hiện hữu</b> | <b>3.634 tỷ đồng</b> | <b>24,2%</b> |



| STT                          | Mục đích sử dụng                                                              | Số tiền               | Tỷ lệ        |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------|
| 1                            | Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)                       | 2.118 tỷ đồng         |              |
| 2                            | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước                | 900 tỷ đồng           |              |
| 3                            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP (BVP)                | 216 tỷ đồng           |              |
| 4                            | Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore (VSSSES) | 200 tỷ đồng           |              |
| 5                            | Công ty Cổ phần Becamex Bình Định                                             | 200 tỷ đồng           |              |
| C                            | <b>Tái cấu trúc tài chính</b>                                                 | <b>5.066 tỷ đồng</b>  | <b>33,8%</b> |
| <b>Tổng cộng (A + B + C)</b> |                                                                               | <b>15.000 tỷ đồng</b> | <b>100%</b>  |

Dựa vào kết quả chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với các nguồn vốn huy động khác để đầu tư thực hiện các mục đích đã trình bày nêu trên.

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán lớn hơn tổng số tiền huy động tạm tính nêu trên) để bổ sung vốn lưu động và phải báo cáo cho cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trong trường hợp số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán thấp hơn so với số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chủ động phân bổ số tiền thu được thực tế cho từng mục đích sử dụng vốn theo thứ tự ưu tiên tương ứng nêu trên.

**12. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán:**

Tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án tại Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.



Đồng thời, phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán sẽ được bổ sung từ vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác để đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện các dự án nêu trên.

### **III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan tới đợt chào bán theo thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Xây dựng, phê duyệt phương án chào bán chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện phương án chào bán cổ phiếu;
- Quyết định mức giá đầu giá khởi điểm phù hợp với Nguyên tắc xác định giá khởi điểm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt như trên và các quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán;
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Xây dựng và thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ phê duyệt ở trên; thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tùy theo tình hình hoạt động thực tiễn của Tổng Công ty tại thời điểm chào bán, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
- Chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với các nguồn vốn huy động khác vào các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua, được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thu được từ đợt chào bán vượt hơn tổng số tiền huy động tối thiểu nêu trên), đảm bảo lợi ích của cổ đông, Tổng Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định;
- Xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;



- Lập phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết cho Nhà đầu tư; chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được chào bán tiếp theo đúng nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định pháp luật hiện hành;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số cổ phiếu phát hành thêm theo quy định;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức Vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Tổng Công Ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Quyết định tất cả các vấn đề, thực hiện tất cả thủ tục và các công việc cần thiết khác để triển khai thành công phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nêu trên;
- Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc ký kết, phê duyệt các tài liệu, hợp đồng và các văn bản giao dịch, giải trình liên quan đến đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 10. Thông qua Tờ trình số 01/2024/TTr-BKS ngày 27/06/2024 của Ban kiểm soát về việc Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2024 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,99% với nội dung chính như sau :**

Danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Tổng Công ty trong năm 2024 và giao quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

- 1.Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- 2.Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- 3.Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 4.Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- 5.Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.





**Điều 11.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật, Điều lệ và Quy chế Tổng Công ty.

**Điều 12.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCK TPHCM;
- Cổ đông BCM;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VP. HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**NGUYỄN VĂN HÙNG**



**BẢNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH SAU KHI BỔ SUNG:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1   | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br><i>(trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i><br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân. | 6810     | X                            |
| 2   | Hoạt động đo đạc bản đồ<br>Chi tiết: Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính.                                                                                                                                                                                                                                                                        | 71102    |                              |
| 3   | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br><i>(trừ dịch vụ đấu giá tài sản).</i><br>Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản.                                                                                                                                                                                                  | 6820     |                              |
| 4   | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933     |                              |
| 5   | <b>Sản xuất điện</b><br><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i><br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo.                                                                    | 3511     |                              |
| 6   | Truyền tải và phân phối điện<br><i>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i><br>Chi tiết:<br>Truyền tải và phân phối điện, điện năng và điện năng lượng mặt trời đến cấp điện áp 110 kV.                                 | 3512     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | <p>Đầu tư phát triển lưới điện, phân phối bán lẻ điện, quản lý vận hành và sửa chữa lưới điện đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Kinh doanh mua, bán năng lượng điện mặt trời áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước đến cấp điện áp 110 kV.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |                              |
| 7   | <p>Xây dựng công trình điện</p> <p><i>(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Thi công và lắp đặt các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV.</p> <p>Thi công và lắp đặt hệ thống năng lượng điện mặt trời (áp mái, trên mặt đất, và nổi trên mặt nước).</p> <p>Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4221     |                              |
| 8   | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p><i>(Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải)</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Tư vấn khảo sát, thiết kế đường dây tải điện và trạm biến áp đến cấp điện áp 110 kV.</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110 kV.</p> <p>Tư vấn thiết kế và giám sát thi công hệ thống năng lượng điện mặt trời (áp mái, trên mặt đất và nổi trên mặt nước).</p> <p>Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn lập dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu, lập dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 kV.</p> <p>Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng,</p> | 7110     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | <p>công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng.</p> <p>Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp). Quản lý dự án và giám sát thi công công trình. Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính.</p> <p>Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.</p> <p>Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức PPP.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |                              |
| 9   | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>(trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá.)</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Kiểm định, hiệu chỉnh, thử nghiệm, lắp đặt, kiểm tra: các loại thiết bị điện, phương tiện đo lường, dụng cụ đo lường, trang thiết bị điện, bảo vệ điều khiển.</p> <p>Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; Hoạt động tự động hóa và điều khiển</p> | 8299     |                              |
| 10  | <p>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5022     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |                              |
| 11  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ ICD. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5210     |                              |
| 12  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br><i>(trừ dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải.)</i><br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa. | 5222     |                              |
| 13  | Bốc xếp hàng hóa<br><i>(trừ Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).</i><br>Chi tiết:<br>Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.<br>Bốc xếp hàng hóa đường bộ. Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Bốc xếp hàng hóa cảng sông. Bốc xếp hàng hóa loại khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224     |                              |
| 14  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br><i>(trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5229     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | <p><i>phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ Kho hàng, bãi container, đóng gói, xếp dỡ vận tải container, các đại lý vận tải hàng hóa, kiểm đếm hàng hóa; Kinh doanh kho ngoại quan, kho lạnh, bãi container.</p> <p>Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan.</p> <p>Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển. Logistics.</p> <p>Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu. Dịch vụ vệ sinh tàu biển. Dịch vụ khu vực cảng mở: Mua bán, phân loại, lưu trữ, bảo quản, sửa chữa bao gói, đóng gói hàng hóa</p> |          |                              |
| 15  | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p><i>(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i></p> <p>Chi tiết:</p> <p>Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp,</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng.<br>Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.                                                                                                                                                                                                                                                   |          |                              |
| 16  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0810     |                              |
| 17  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0899     |                              |
| 18  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2394     |                              |
| 19  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ( <i>trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.</i> )<br>Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng. | 4663     |                              |
| 20  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                               | 2395     |                              |
| 21  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101     |                              |
| 22  | Sản xuất vải dệt thoi<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm dệt và may mặc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1312     |                              |
| 23  | Hoàn thiện sản phẩm dệt<br>Chi tiết: Gia công các sản phẩm dệt và may mặc                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1313     |                              |
| 24  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Mua bán các sản phẩm dệt và may mặc.                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641     |                              |
| 25  | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp hàng điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2610     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 26  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2640     |                              |
| 27  | Sản xuất máy thông dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2819     |                              |
| 28  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i><br>Chi tiết: Mua bán hàng điện tử.                                                           | 4652     |                              |
| 29  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br><i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i><br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng. | 4659     |                              |
| 30  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3290     |                              |
| 31  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</i><br>Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng           | 4669     |                              |
| 32  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310     |                              |





| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | <i>(trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cầm quảng cáo)</i><br>Chi tiết: Thực hiện các dịch vụ tiếp thị.                                                                                                                                      |          |                              |
| 33  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br><i>(trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)).</i><br>Chi tiết: Nghiên cứu thị trường.                                                                                        | 7320     |                              |
| 34  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Tư vấn đầu tư.<br>Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.                                                                              | 6619     |                              |
| 35  | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế.                                                                                                                                            | 8610     |                              |
| 36  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                                                                                                                            | 8620     |                              |
| 37  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.                                                                                                                                                                  | 8560     |                              |
| 38  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải<br><i>(trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)</i><br>Chi tiết:<br>Dịch vụ sửa chữa phương tiện thủy, sửa chữa tàu biển.<br>Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải đường sắt đô thị. | 3315     |                              |
| 39  | Xây dựng công trình thủy<br><i>(trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i><br>Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa công trình thủy. Hoạt động nạo vét đường thủy.   | 4291     |                              |
| 40  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                  | 5012     |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển. Vận tải hàng hóa viễn dương. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |                              |
| 41  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4211     |                              |
| 42  | Vận tải hành khách đường sắt<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4911     |                              |
| 43  | Vận tải hàng hóa đường sắt<br>Chi tiết: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4912     |                              |
| 44  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành<br>(trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách trong nội thành, ngoại thành bằng đường sắt đô thị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4931     |                              |
| 45  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, không bao gồm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt)<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các nhà ga hành khách đường sắt.<br>Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt.<br>Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.<br>Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. | 5221     |                              |
| 46  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị chuyên ngành đường sắt đô thị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3312     |                              |
| 47  | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:<br>- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |                              |



| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
|     | <p>- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.</p> <p>(Tổng Công ty không thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại mục A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021)</p> |          |                              |





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số: 08/2024/TTr-HĐQT**

*Bình Dương, ngày 27 tháng 06 năm 2024*

**TỜ TRÌNH**

**(V/v: Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để  
tăng vốn điều lệ)**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP.

Căn cứ nhu cầu vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2024-2025 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP, Hội đồng quản trị Tổng công ty ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua chủ trương chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, phương án cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:**

- Đầu tư các dự án do Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP làm chủ đầu tư.
- Góp vốn thành lập mới hoặc tăng vốn điều lệ các đơn vị thành viên.
- Tái cấu trúc tài chính Tổng công ty.

**II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CHI TIẾT:**

**1. Thông tin chung về đợt chào bán**



BM-65-01-24060006

- Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – CTCP
- Mã cổ phiếu: BCM
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện tại: 10.350.000.000.000 đồng (Mười nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.035.000.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 1.035.000.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm (dự kiến): **300.000.000 cổ phiếu**
- Giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng)
- Vốn điều lệ dự kiến sau đợt chào bán: 13.350.000.000.000 đồng (Mười ba nghìn ba trăm năm mươi tỷ đồng).

## 2. Phương thức chào bán

Chào bán thêm 300.000.000 cổ phiếu ra công chúng thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

## 3. Đối tượng chào bán

Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu.

## 4. Giá khởi điểm bán đấu giá

Để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về cách xác định giá khởi điểm và phù hợp với tình hình biến động giá thị trường của cổ phiếu BCM tại thời điểm tiến hành đấu giá, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá khởi điểm dựa theo Nguyên tắc xác định giá khởi điểm và theo tình hình thực tế của thị trường để đợt đấu giá thành công và tối đa hóa giá trị vốn huy động từ đợt chào bán.

## 5. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm được xác định theo nguyên tắc:

- i. Không thấp hơn giá trị sổ sách tại Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – CTCP tại kỳ gần nhất, và;
- ii. Không thấp hơn trung bình giá đóng cửa 30 phiên giao dịch gần nhất của cổ phiếu BCM trước ngày công bố Bản thông báo phát hành, và;



**iii. Không thấp hơn 50.000 đồng/cổ phiếu.**

**6. Thời gian thực hiện dự kiến**

Trong năm 2024 - 2025, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán.

**7. Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết từ đợt chào bán hoặc đợt chào bán không thành công**

ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng có nhu cầu với giá bán không thấp hơn bình quân giá đầu giá thành công. ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT xác định tiêu chí và danh sách các nhà đầu tư chào bán. Số cổ phiếu không chào bán hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

**8. Hạn chế chuyển nhượng**

Cổ phiếu chào bán thành công cho nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.

**9. Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung:**

ĐHĐCD thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã chào bán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định hiện hành.

**10. Phương án đáp ứng giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:**

ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

**11. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:**

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với giá bán tối thiểu 50.000 đồng/cổ phiếu là 15.000 tỷ đồng. Số tiền huy động được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng cho các mục đích theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

| STT | Mục đích sử dụng                 | Số tiền       | Tỷ lệ |
|-----|----------------------------------|---------------|-------|
| A   | Đầu tư dự án                     | 6.300 tỷ đồng | 42,0% |
| 1   | Khu công nghiệp Cây Trường       | 2.800 tỷ đồng |       |
| 2   | Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng | 3.500 tỷ đồng |       |



|                              |                                                                              |                       |              |
|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------|
| <b>B</b>                     | <b>Góp tăng vốn các công ty hiện hữu</b>                                     | <b>3.634 tỷ đồng</b>  | <b>24,2%</b> |
| 1                            | Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore (VSIP)                      | 2.118 tỷ đồng         |              |
| 2                            | Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex Bình Phước               | 900 tỷ đồng           |              |
| 3                            | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP (BVP)               | 216 tỷ đồng           |              |
| 4                            | Công ty cổ phần Giải pháp Năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore (VSSES) | 200 tỷ đồng           |              |
| 5                            | Công ty cổ phần Becamex Bình Định                                            | 200 tỷ đồng           |              |
| <b>C</b>                     | <b>Tái cấu trúc tài chính</b>                                                | <b>5.066 tỷ đồng</b>  | <b>33,8%</b> |
| <b>Tổng cộng (A + B + C)</b> |                                                                              | <b>15.000 tỷ đồng</b> | <b>100%</b>  |

Dựa vào kết quả chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với các nguồn vốn huy động khác để đầu tư thực hiện các mục đích đã trình bày nêu trên.

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán lớn hơn tổng số tiền huy động tạm tính nêu trên) để bổ sung vốn lưu động và phải báo cáo cho cổ đông tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Trong trường hợp số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán thấp hơn so với số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị được chủ động phân bổ số tiền thu được thực tế cho từng mục đích sử dụng vốn theo thứ tự ưu tiên tương ứng nêu trên.

**12. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán:**

Tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án tại Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.



Đồng thời, phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán sẽ được bổ sung từ vay ngân hàng hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác để đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện các dự án nêu trên.

### **III. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan tới đợt chào bán theo thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Xây dựng, phê duyệt phương án chào bán chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện phương án chào bán cổ phiếu;
- Quyết định mức giá đầu giá khởi điểm phù hợp với Nguyên tắc xác định giá khởi điểm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt như trên và các quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán;
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, giải trình chi tiết hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Xây dựng và thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích đã được ĐHĐCĐ phê duyệt ở trên; thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tùy theo tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty tại thời điểm chào bán, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
- Chủ động phân bổ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành và kết hợp với các nguồn vốn huy động khác vào các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua, được chủ động phân bổ số tiền tăng thêm (trong trường hợp tổng số tiền thu được từ đợt chào bán vượt hơn tổng số tiền huy động tối thiểu nêu trên), đảm bảo lợi ích của cổ đông, Tổng Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định;
- Xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lập phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết cho Nhà đầu tư; chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được chào bán tiếp theo đúng nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thông qua và theo quy định pháp luật hiện hành;





- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với số cổ phiếu phát hành thêm theo quy định;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký tăng Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành) và ký các hồ sơ cần thiết có liên quan đến việc điều chỉnh tăng Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉnh sửa mức Vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành cùng các nội dung liên quan khác trong Điều lệ của Tổng Công Ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Quyết định tất cả các vấn đề, thực hiện tất cả thủ tục và các công việc cần thiết khác để triển khai thành công phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nêu trên;
- Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc ký kết, phê duyệt các tài liệu, hợp đồng và các văn bản giao dịch, giải trình liên quan đến đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là các nội dung liên quan tới đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.  
Trân trọng ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN VĂN HÙNG**

